TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5–VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 326/2026/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Long, ngày 09 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 308/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 giữa:

* **Nguyên đơn**: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm: 1996; địa chỉ: ấp B, xã S tỉnh Đồng Tháp. Số CCCD: A, do cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/6/2021.

Người đại diện theo ủy quyền về tài sản: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979; địa chỉ: 130/7, đường L, phường S, tỉnh Đồng Tháp. (theo văn bản ủy quyền được công chứng ngày 16/6/2025 tại văn phòng công chúng Lâm Thị Minh Nguyệt, tỉnh Đồng Tháp)

* **Bị đơn**: Ông Huỳnh Thanh B, sinh năm: 1976; Địa chỉ: ấp N, xã P, tỉnh Vĩnh Long. Số CCCD:B, do cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/8/2021

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Thanh T và ông Huỳnh Thanh B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh T và ông Huỳnh Thanh B thuận tình ly hôn. Ghi nhận bà Lê Thị Thanh T và ông Huỳnh Thanh B không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

Về con chung: giao con chung là Huỳnh Lê V, sinh ngày 28/5/2015 cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung là tiền: Ông B bà T thống nhất có số tài sản chung là 900 triệu đồng trong đó có 300 triệu đồng do ông B đang trực tiếp giữ và 600 triệu đồng do bà T giữ. Bà T và ông B không yêu cầu Tòa án chia số tài sản chung là 300 triệu đồng nên Tòa án không xem xét giải quyết về số tiền 300.0000.000 đồng này.

Về số tiền 600 triệu đồng Bà T đang giữ, ông B và bà T thỏa thuận chia đôi số tiền này. Bà T được nhận ½ số tiền này là 300.000.000 đồng; Ông B được nhận ½ số tiền này là 300 triệu đồng nhưng tự nguyện tăng cho lại bà T. Tổng cộng Bà T được nhận là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

Về tài sản chung là vàng: Bà T và ông B thống nhất còn lại số vàng cưới, nữ trang quy đổi ra tiền là 60 triệu đồng. Bà T và ông B đề nghị chia đôi số tiền này, bà T nhận ½ giá trị là 30 triệu đồng; ông B nhận ½ giá trị là 30 triệu đồng nhưng tặng cho lại bà T 30 triệu đồng này.

Về tài sản chung là xe: Bà T và ông B thống nhất chiếc xe gắn máy nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE FI ; biển số đăng ký 63AS-144.79 chủ xe Lê Thị Thanh T do công an thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 07/7/2024 là tài sản chung của vợ chồng. Bà T và ông B thống nhất giá trị chiếc xe còn lại là 20 triệu đồng . Bà T đồng ý giao cho ông B trọn quyền sử dụng, sở hữu chiếc xe này.

Bà T và ông B có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký lại thông tin về chủ xe theo quy định của pháp luật.

Về tài sản riêng: Bà T và ông B thống nhất 03 chiếc xe nhãn hiệu PIAGGIO, số loại VESPA SPRINT biển số đăng ký 63C1-496.497 tên chủ xe Lê Thị Thanh T do công an thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 15/3/2023; Chiếc xe nhãn hiệu HONDA, số loại SH150I; biển số đăng ký 63B9-676.31 chủ xe Lê Thị Thanh T do công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày10/8/2016 và chiếc xe nhãn hiệu HONDA, số loại VARIO 150; biển số đăng ký 63C1-260.41 chủ xe Lê Thị Thanh T do công an phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 24/8/2025 là tài sản riêng của bà Lê Thị Thanh T.

Về nợ chung: Bà T, ông B khai không có.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm hòa giải thành là 150.000 đồng. Bà T tự nguyện nộp.

Án phí chia tài sản chung (hòa giải thành): Bà Lê Thị Thanh T có nghĩa vụ nộp là 15.750.000 đồng . Ông Huỳnh Thanh B có nghĩa vụ nộp là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), nhưng Bà T tự nguyện nộp thay số tiền án phí này cho ông B.

Tổng cộng Bà T có nghĩa vụ nộp số tiền án phí là: 16.400.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng và 11.000.000 đồng theo biên lai thu số 0005695 ngày 31/3/2026 và biên lai thu tạm ứng án phí số 0005694 ngày 31/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà T còn phải nộp tiếp số tiền án phí là: 5.100.000 đồng (năm triệu một trăm ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- *Đương sự;*
- *VKSND khu vực 5;*
- *THADS khu vực 5 – Vĩnh Long;*
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *UBND xã P, tỉnh Vĩnh Long;* **(KH 14/4/2015)**
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Hoàng Thị Tuyết